

Số: 4383/2024/QĐST-DS

Thành phố Thủ Đức, ngày 17 tháng 09 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào khoản 5 Điều 211 và khoản 1 Điều 212 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 1857/2023/TLST – DS ngày 09/11/2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị Thanh B**, sinh năm 1973;

Địa chỉ thường trú: **Số E TCH B, Khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Vũ Năng H**, sinh năm 1998 hoặc bà **Đinh Thị Trúc N**, sinh năm 2002 (Văn bản ủy quyền ngày 01/12/2023).

- Bị đơn: **Công ty Cổ phần D**;

Trụ sở: **Số F, đường L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Minh H1**, sinh năm 2000 (Văn bản ủy quyền số 04/UQ-TCR ngày 01/12/2023).

Địa chỉ liên lạc: **Số F, đường L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2. 1. Bà **Đặng Thị Thanh B** có bà **Đinh Thị Trúc N** là đại diện theo ủy quyền và **Công ty Cổ phần D** có ông **Nguyễn Minh H1** là đại diện theo ủy quyền thống nhất thỏa thuận như sau:

Công ty Cổ phần D có trách nhiệm thanh toán một lần cho bà **Đặng Thị Thanh B** tổng số tiền 420.000.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi triệu đồng*). Thời hạn thanh toán trong vòng 06 (*sáu*) tháng kể từ ngày 09/9/2024, chậm nhất việc thanh toán phải thực hiện trước ngày 09/3/2025.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp, **Công ty cổ phần D** không trả tiền theo đúng quy định trên thì bà **Đặng Thị Thanh B** được quyền liên hệ với Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền để yêu cầu thi hành đối với khoản tiền nêu trên.

Các bên thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Về án phí hòa giải thành: Bị đơn **Công ty Cổ phần D** phải chịu án phí dân sự hòa giải thành là 10.400.000 đồng (*Mười triệu bốn trăm nghìn đồng*). **Công ty cổ phần D** chưa nộp án phí.

H2 lại số tiền 16.173.808 đồng (*Mười sáu triệu một trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm linh tám đồng*) cho bà **Đặng Thị Thanh B** theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0000492 ngày 08/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Chi cục thi hành án dân sự Tp. Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Nga